

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Mã nhận dạng: 001012

Trang : 1/2

Môn học: **Nghe 2 (224316) - Nhóm 02**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 2**

Tổ: **001**

Ngày thi: **18/04/2022**

Giờ: **07:30**

Phòng thi: **B103**

Số SV có mặt: **28**

Số bài thi: **28**

Số tờ giấy thi: **28**

Cán bộ coi thi 1 <i>Mu</i> Đào Thị Diệu	Cán bộ coi thi 2 <i>CP</i> Phan Văn Tuấn	G.Viên chấm thi 1 <i>MT</i> MT. Nguyễn	G.Viên chấm thi 2 <i>HT</i> Trần Thị Thảo
---	--	--	---

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ. QT 40%	Đ. Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2121240050	TRẦN NGỌC PHƯƠNG ANH	17/05/2002	CCQ2124B			<i>Phuong</i>	80	82	81	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2121240039	PHẠM THỊ HỒNG ÂN	21/11/2003	CCQ2124B			<i>Pham</i>	70	60	64	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2119240054	NGUYỄN THỊ HỒNG BÔNG	24/06/2001	CCQ1924C			<i>Bong</i>	74	45	57	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2121240049	PHAN THÀNH CÔNG	23/09/2003	CCQ2124B			<i>Cong</i>	60	33	44	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2121240059	LÊ THỊ GIANG	10/02/2003	CCQ2124B			<i>Giang</i>	51	48	49	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2119240175	PHẠM THỊ THÚY HUỲNH	25/07/2001	CCQ1924G			<i>Huy</i>	71	58	63	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2121240032	LÊ THỊ THANH HƯƠNG	26/01/1999	CCQ2124B			<i>Huong</i>				(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2121240036	BÙI PHƯƠNG KHANH	29/07/2003	CCQ2124B			<i>Phuoc</i>	92	91	91	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2121240060	HOÀNG THỊ LIỄU	23/04/2001	CCQ2124B			<i>Ly</i>	100	93	96	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2121240031	ĐÀO THỊ NGỌC MÃN	11/07/2003	CCQ2124B			<i>Man</i>	75	58	65	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2119240067	NGUYỄN THỊ GIÁNG MY	20/07/2000	CCQ1924C			<i>My</i>	76	70	72	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2121240037	LÝ THỊ NGÂN	12/03/2003	CCQ2124B			<i>Ngan</i>	60	32	43	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2118240026	NGUYỄN THỊ THANH NGÂN	10/06/1999	CCQ1824A			<i>Ngan</i>	70	42	53	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2121240041	TRẦN THỊ BÍCH NGỌC	07/07/2003	CCQ2124B			<i>Ngoc</i>	76	59	66	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2121240053	NGUYỄN THỊ THẢO NGUYỄN	30/05/2002	CCQ2124B			<i>Thao</i>	69	68	68	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2119240070	ĐỖ THỊ UYÊN NHI	17/11/2001	CCQ1924C			<i>Nhi</i>	59	54	56	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	2121240038	NGUYỄN THỊ YẾN NHI	07/04/2003	CCQ2124B			<i>Yen</i>	71	76	74	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	2121240048	TRẦN THỊ CẨM NHUNG	07/08/2003	CCQ2124B			<i>Nhung</i>	65	47	54	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	2121240042	NGUYỄN THỊ YẾN OANH	20/01/2003	CCQ2124B							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	2121240056	NGUYỄN KỶ PHONG	25/07/2003	CCQ2124B			<i>Phong</i>	75	72	73	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

In : 16/04/2022

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Mã nhận dạng: 001012

Trang : 2/2

Môn học: **Nghe 2 (224316) - Nhóm 02**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 2**

Tổ: **001**

Ngày thi: **18/04/2022**

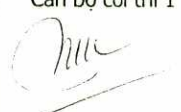
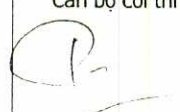
Giờ: **07:30**

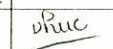
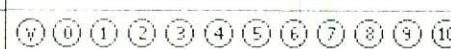
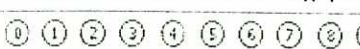
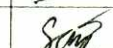
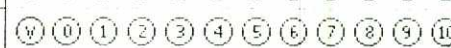
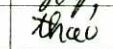
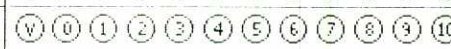
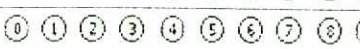
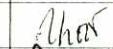
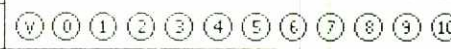
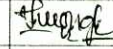
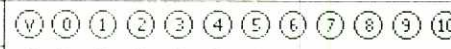
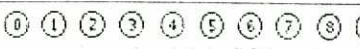
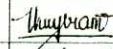
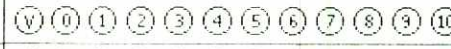
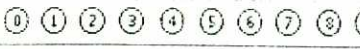
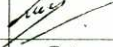
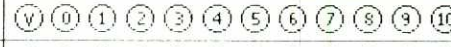
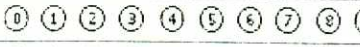
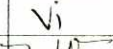
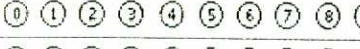
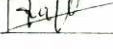
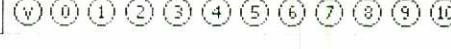
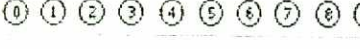
Phòng thi: **B103**

Số SV có mặt: **28**

Số bài thi: **28**

Số tờ giấy thi: **28**

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
 Đào Thị Diệu	 Phan Thị Thu	 H.T. Nguyễn	 Trần Thị Bích

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2121240034	TRẦN THỊ AN PHÚC	12/12/2003	CCQ2124B				72	84	79		
22	2119240189	PHAN VĂN SÁNG	07/10/2001	CCQ1924G				60	50	54		
23	2121240054	TRƯƠNG THỊ THU THẢO	12/04/2003	CCQ2124B				68	62	64		
24	2121240040	CHÂU THỊ KIM THOA	10/09/2003	CCQ2124B				62	61	61		
25	2121240057	NGUYỄN THỊ THƯƠNG	09/04/2003	CCQ2124B				70	73	72		
26	2121240052	VŨ THỊ THÙY TRÂM	10/09/2003	CCQ2124B				77	72	74		
27	2121240043	NGUYỄN THIÊN TƯỜNG	06/01/1997	CCQ2124B				95	72	81		
28	2121240045	NGUYỄN KIỀU VÂN	28/11/2003	CCQ2124B				77	34	51		
29	2121240058	NGUYỄN THỊ TƯỜNG VI	26/06/2003	CCQ2124B				67	65	66		
30	2121240051	NGUYỄN TRUNG VƯƠNG	27/11/2003	CCQ2124B				68	76	73		

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Mã nhận dạng: 001013

Trang : 1/2

Môn học: **Nghe 2 (224316) - Nhóm 03**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 2**

Tổ: **001**

Ngày thi: **18/04/2022**

Giờ: **07:30**

Phòng thi: **B104**

Số SV có mặt: **28**

Số bài thi: **28**

Số tờ giấy thi: **28**

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
<i>Hoàng Thị Thủy Tiên</i>	<i>Nguyễn Thị Ngọc Hoa</i>	<i>H.T. Ngọc</i>	<i>Trần Thị Thắm</i>

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2121240076	DƯƠNG THỊ HUỆ CHI	04/12/2002	CCQ2124C		2	<i>Huệ Chi</i>	97	73	83	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2121240061	NGUYỄN NGỌC DIỄM	09/11/2002	CCQ2124C		2	<i>Diễm</i>	64	50	56	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2120240063	NGÔ THỊ DIÊN	10/10/1999	CCQ2024C		2	<i>Diên</i>	87	83	85	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2121240068	LA THỊ ĐÀO	29/08/2003	CCQ2124C		2	<i>Đào</i>	73	68	70	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2121240067	LÂM THỊ HẢI HƯƠNG	28/04/2003	CCQ2124C		2	<i>Hương</i>	73	78	76	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2121240079	TRƯƠNG TÂN KHOA	14/09/2002	CCQ2124C		2	<i>Khoa</i>	79	75	77	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2121240069	TRẦN THỊ THÚY KIỀU	16/07/2003	CCQ2124C		2	<i>Thúy Kiều</i>	87	77	81	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2121240081	HÀ THỊ MỸ LINH	27/12/2003	CCQ2124C		2	<i>Mỹ Linh</i>	75	77	76	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2121240090	TRẦN TRIỆU KHÁNH LINH	14/12/2003	CCQ2124C		2	<i>Khánh Linh</i>	10	98	99	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2121240070	NGUYỄN ĐỨC LỘC	02/10/2003	CCQ2124C		2	<i>Lộc</i>	78	85	82	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2121240066	HUỲNH NGỌC LỰC	21/11/2002	CCQ2124C		2	<i>Lực</i>	52	47	49	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2121240086	LÊ TRỊNH THANH MAI	21/05/2003	CCQ2124C		2	<i>Thanh Mai</i>	57	42	48	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2119240179	NGUYỄN THỊ TRÀ MI	03/12/2001	CCQ1924G		2	<i>Trà Mi</i>	71	68	69	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2121240083	PHẠM THỊ THU NGÀ	27/10/2003	CCQ2124C		2	<i>Thu Ngà</i>	65	58	61	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2121240080	PHAN THANH NGÂN	05/12/2003	CCQ2124C		2	<i>Ngân</i>	85	76	80	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2121240065	NGUYỄN THỊ QUỲNH	20/12/2003	CCQ2124C							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	2121240085	PHAN THỊ THANH NHÃ	05/02/2003	CCQ2124C		2	<i>Thanh Nhã</i>	64	85	77	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	2121240087	TRẦN NGUYỄN QUỲNH NHƯ	15/12/2003	CCQ2124C		2	<i>Như</i>	80	54	64	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	2121240082	NGUYỄN THỊ THU PHƯƠNG	09/12/2003	CCQ2124C		2	<i>Phương</i>	81	78	79	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	2121240084	TRẦN THANH THÀ	25/04/2003	CCQ2124C		2	<i>Thà</i>	70	58	63	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

In : 16/04/2022

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Mã nhận dạng: 001013

Trang : 2/2

Môn học: **Nghe 2 (224316) - Nhóm 03**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 2**

Tổ: **001**

Ngày thi: **18/04/2022**

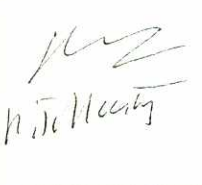
Giờ: **07:30**

Phòng thi: **B104**

Số SV có mặt:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
			

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2118240407	VÕ NGUYỄN THỊ HỒNG THẨM	28/11/2000	CCQ1824F		2		65	49	55	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	2121240074	BIỆN THỊ HOÀI THU	29/12/2003	CCQ2124C		2		60	46	52	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	2121240073	LÊ NGUYỄN HOÀI THƯƠNG	23/07/2002	CCQ2124C		2	Thương	79	78	78	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	2121240078	NGUYỄN THỊ HOÀI THƯƠNG	06/05/2001	CCQ2124C		2	Huông	7.9	74	76	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	2121240089	MAI MINH TRÍ	01/05/2003	CCQ2124C		2		7.1	72	72	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	2120240086	PHAN THỊ MỸ TRINH	02/01/2002	CCQ2024C		2	Trinh	7.9	58	66	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	2121240064	NGÔ HOÀNG KHẢ TÚ	23/07/2003	CCQ2124C		2		65	67	66	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	2121240062	HUỖNH MỸ GIAO VY	15/08/2003	CCQ2124C		2	Vy	6.9	67	68	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	2121240077	NGUYỄN THỊ ÁI VY	08/12/2003	CCQ2124C		2	Vy	66	61	63	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Mã nhận dạng: 001014

Trang : 1/1

Môn học: **Nghe 2 (224316) - Nhóm 07**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 2**

Tổ: **001**

Ngày thi: **18/04/2022**

Giờ: **07:30**

Phòng thi: **B105**

Số SV có mặt: 06...

Số bài thi:06...

Số tờ giấy thi: 06...

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ. QT 40%	Đ. Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2121242004	ĐẶNG LINH CHI	08/02/2003	CCQ2124LA		2		8,0	52	6,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2121242006	LÊ NGUYỄN ÁNH	03/01/2002	CCQ2124LA		2		9,0	95	9,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2121242002	HỒ THỊ NHƯ	16/11/2003	CCQ2124LA		2		8,5	75	7,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2121242001	NGUYỄN NGỌC QUỲNH	31/12/2003	CCQ2124LA		2		8,8	66	7,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2121242003	NGUYỄN TRỌNG	05/04/2003	CCQ2124LA		2		8,3	46	6,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2121242007	HOÀNG LAN	09/07/2003	CCQ2124LA		2		8,0	72	7,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2121242005	LÊ THỊ CẨM	23/11/2002	CCQ2124LA							(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

In : 16/04/2022